

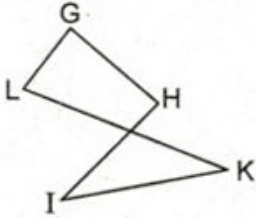
ÔN TẬP CHƯƠNG II

A. Câu hỏi

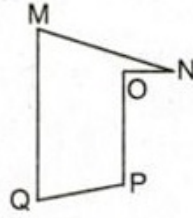
1. Xem các hình 156, 157, 158 và trả lời các câu hỏi sau :

- Vì sao hình năm cạnh GHIKL (h. 156) không phải là đa giác lồi ?
- Vì sao hình năm cạnh MNO PQ (h. 157) không phải là đa giác lồi ?
- Vì sao hình sáu cạnh RSTVXY (h. 158) là một đa giác lồi ?

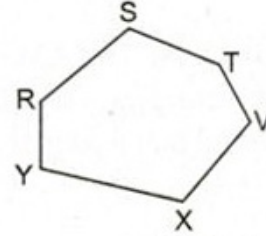
Hãy phát biểu định nghĩa đa giác lồi.



Hình 156



Hình 157



Hình 158

2. Điền vào chỗ trống trong các câu sau :

a) Biết rằng tổng số đo các góc của một đa giác n cạnh là $\widehat{A}_1 + \widehat{A}_2 + \dots + \widehat{A}_n = (n-2).180^\circ$. Vậy tổng số đo các góc của một đa giác 7 cạnh là

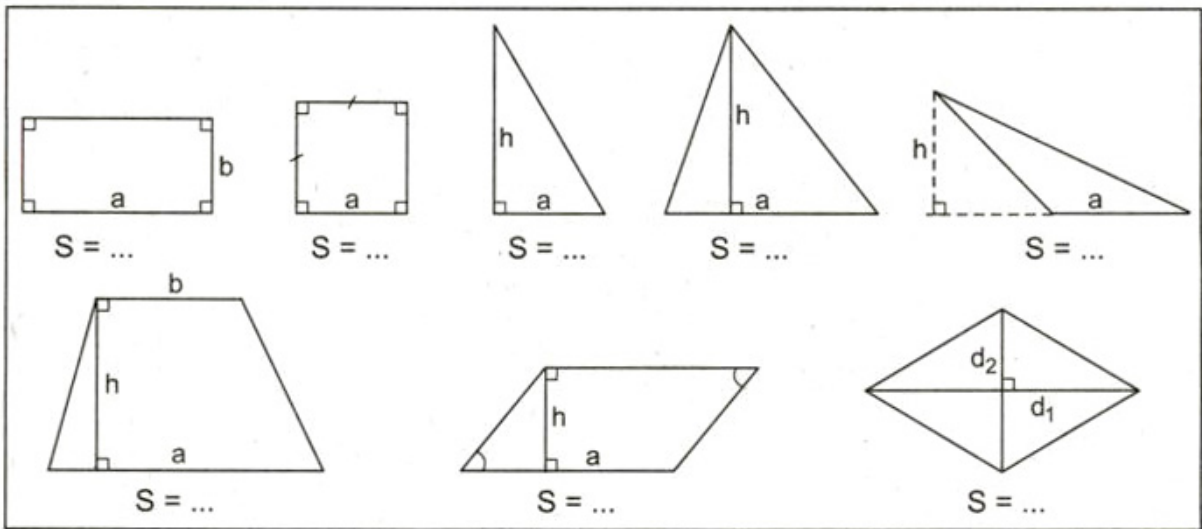
b) Đa giác đều là đa giác có

c) Biết rằng số đo mỗi góc của một đa giác đều n cạnh là $\frac{(n-2).180^\circ}{n}$, vậy :

Số đo mỗi góc của ngũ giác đều là

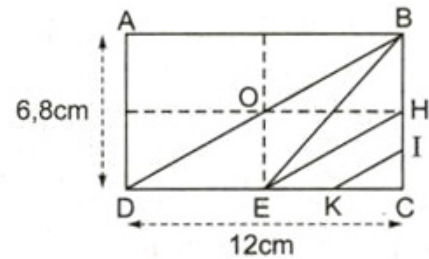
Số đo mỗi góc của lục giác đều là

3. Hãy viết công thức tính diện tích của mỗi hình trong khung sau :



B. Bài tập

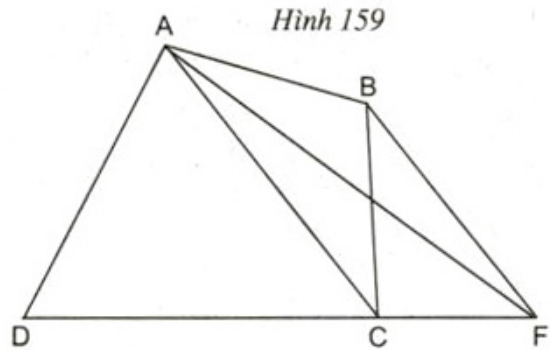
41. Cho hình chữ nhật ABCD. Gọi H, I, E, K lần lượt là các trung điểm của BC, HC, DC, EC (h. 159).



Tính : a) Diện tích tam giác DBE ;

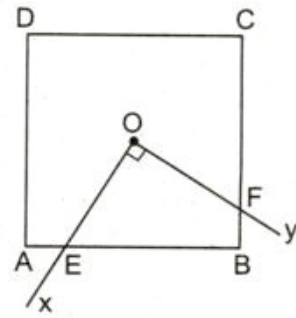
b) Diện tích tứ giác EHIK.

42. Trên hình 160 ($AC \parallel BF$), hãy tìm tam giác có diện tích bằng diện tích của tứ giác ABCD.



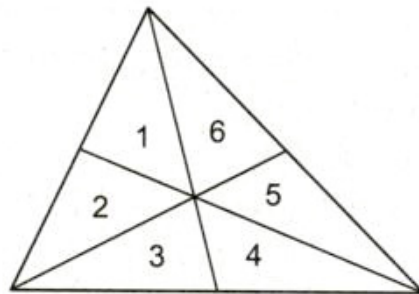
43. Cho hình vuông ABCD có tâm đối xứng O, cạnh a. Một góc vuông xOy có tia Ox cắt cạnh AB tại E, tia Oy cắt cạnh BC tại F (h. 161).

Tính diện tích tứ giác OEBF.



Hình 161

44. Gọi O là điểm nằm trong hình bình hành ABCD. Chứng minh rằng tổng diện tích của hai tam giác ABO và CDO bằng tổng diện tích của hai tam giác BCO và DAO.
45. Hai cạnh của một hình bình hành có độ dài là 6cm và 4cm. Một trong các đường cao có độ dài là 5cm. Tính độ dài đường cao kia.
46. Cho tam giác ABC. Gọi M, N là các trung điểm tương ứng của AC, BC. Chứng minh rằng diện tích của hình thang ABNM bằng $\frac{3}{4}$ diện tích của tam giác ABC.
47. Vẽ ba đường trung tuyến của một tam giác (h. 162). Chứng minh sáu tam giác : 1, 2, 3, 4, 5, 6 có diện tích bằng nhau.



Hình 162